

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 362/2020/HS-ST

Ngày 18/11/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Vĩnh Mai.

2/ Ông Nguyễn Hữu Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 322/2020/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐHPT- ST ngày 29/10/2020 đối với:

*** Bị cáo:** Trần Minh Gi; Tên gọi khác: Banh; Sinh năm 1994; Tại Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Huy H, sinh năm: 1959 (Hiện bỏ nhà đi, không rõ địa chỉ cư trú); Con bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm: 1969, hiện trú tại: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Gia Qu – Văn phòng Luật sư THT – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

*** Người bị hại:**

1/ Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2/ Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

3/ Bà Lương Thị Kim D, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Phan Thị H, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2/ Anh Nguyễn Huỳnh Phúc, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/4/2020, sau khi đã uống rượu tại nhà, Trần Minh Gi đến nhà bà Phan Thị H, sinh năm 1976, trú tại thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mượn xe máy mang biển kiểm soát 47FC-2868, rồi chạy về nhà lấy 01 con dao rựa dài 57 cm, cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, mũi quắp, điều khiển xe máy đến tiệm sửa xe của anh Phạm Thanh T, sinh năm 1990, trú tại thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, Gi thấy có anh Nguyễn Huỳnh Ph, sinh năm 1983, trú tại thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên dừng xe trước tiệm và nói với Phúc “anh nợ em một triệu chừng nào anh trả cho em”, trước đây anh Ph có nợ tiền Gi nhưng đã trả hết, biết Gi khi say rượu hoặc sử dụng ma túy thì hay quậy phá, nên anh Ph nói “từ từ anh trả, anh chưa có tiền, vào đây chơi đã”. Lúc này Gi liền lấy dao rựa xuống xe và xông vào chém anh Ph nhưng anh Ph né được, anh Ph bỏ chạy thì Gi đuổi theo nhưng không được. Sau đó Gi quay lại tiệm sửa xe của anh T và cầm dao rựa xông đến chém anh T vào đầu, rồi dùng sống dao chém vào lưng anh T gây thương tích. Bị chém nên anh T bỏ chạy, Gi cầm rựa điều khiển xe máy mang biển kiểm soát 47FC-2868 đi trên đường thôn 00, xã H thì gặp ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1979, trú tại thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đang điều khiển xe mô tô đi ngược chiều lại, thì Gi chặn xe ông Đ lại rồi lao vào chém 01 nhát trúng khuỷu tay trái ông Đ gây thương tích. Tiếp đó, Gi tiếp tục đến nhà ông Nguyễn Thanh Q ở thôn 00, xã H, thành phố B, gặp bà Lương Thị Kim D, sinh năm 1987, trú tại thôn 00, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk rồi đuổi đánh bà D, bà D bỏ chạy được khoảng 30m ra đường thì bị ngã, nên Gi đến và dùng sống dao rựa chém liên tiếp 04 nhát vào phần vai, lưng, tay bà D gây thương tích. Sau đó lực lượng Công an xã H, thành phố B, đến đưa Gi về trụ sở để làm việc.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 476/TgT-TTPY, ngày 29/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với anh Phạm Thanh T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng đỉnh sau trái kích thước 3cm x 0,2cm.
- Vết thương da, đang rỉ dịch hơi chéo lưng trái kích thước 5,5cm x 0,5cm; bầm đỏ quanh vết trầy da.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (ba phần trăm).

3. Vật tác động và cơ chế hình thành thương tích:

- + Vết thương vùng đỉnh sau trái do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ trái qua phải.
- + Vết thương da, đang rỉ dịch hơi chéo lưng trái do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ trái qua phải. (BL61-62)

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 477/TgT-TTPY, ngày 29/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với ông Nguyễn Ngọc Đ như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng khuỷu tay trái, mặt sau đầu trên xương trụ, đầu khớp khuỷu, đứt cơ tam đầu cánh tay trái, kích thước 8cm x 0,2cm.
- Mề khởm khuỷu tay trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 08% (tám phần trăm).

3. Vật tác động: Vật sắc.

4. Cơ chế hình thành thương tích:

Vết thương vùng khuỷu tay trái, mặt sau đầu trên xương trụ, đầu khớp khuỷu, đứt cơ tam đầu cánh tay trái, mề khởm khuỷu tay trái do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau. (BL63-64)

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 877/TgT-TTPY, ngày 20/8/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận ông Nguyễn Ngọc Đ như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương để lại sẹo mặt sau khuỷu tay trái, kích thước 11cm x 0,3cm.

- Mẻ khóm khuỷu tay trái (vận động khớp khuỷu trái bình thường).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 08% (tám phần trăm). (BL91-92)

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 478/TgT-TTPY, ngày 29/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với bà Lương Thị Kim D như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết trầy da đang rỉ dịch nằm chéo sau vai trái, kích thước 5cm x 0,5cm.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02% (hai phần trăm).

3. Vật tác động: Vật tày có cạnh.

4. Cơ chế hình thành thương tích: Vết trầy da đang rỉ dịch nằm chéo sau vai trái do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ trái qua phải. (BL65-66)

* Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 87/KLGĐ, ngày 06/7/2020 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận Trần Minh Gi:

1.1. Về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại thì đối tượng bị bệnh: Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng ma túy và các chất tác động tâm thần khác. (F19-ICD10)

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại đối tượng: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. (BL51-52)

Ông Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu bồi thường chi phí điều trị, tiền mất thu nhập, tiền công người chăm sóc, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác tổng cộng là: 13.395.000đồng. Bao gồm: Tiền viện phí, chi phí điều trị vết thương 8.000.000đ; tiền ngày công lao động phải nghỉ làm trong thời gian nằm viện là 200.000đ/ngày x 8 ngày = 1.600.000đ; tiền ngày công người chăm sóc trong thời gian nằm viện là 200.000đ/ngày x 8 ngày = 1.600.000đ; tiền bồi dưỡng sức khỏe, ăn uống đi lại trong thời gian nằm viện 2.000.000đ.

Anh Phạm Thanh T và bà Lương Thị Kim D không yêu cầu bị cáo Trần Minh Gi phải bồi thường gì.

Cáo trạng số: 332/KSĐT - HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Minh Gi về tội: “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi bản chất của vụ án.

Đại diện VKSND thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Minh Gi về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 134 BLHS; điểm b, i, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt: Trần Minh Gi từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

+ Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao rựa dài 57cm, cán tre, lưỡi kim loại dài 30 cm, mũi quặp do Trần Minh Gi giao nộp cho Cơ quan điều tra là công cụ gây thương tích cho anh Phạm Thanh T, ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Lương Thị Kim D, nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với bà Phan Thị H, khi cho bị cáo Trần Minh Gi mượn xe máy mang biển kiểm soát 47FC-2868 bà H không biết việc Gi sẽ sử dụng làm phương tiện đi gây thương tích cho người khác, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với bà H và trả xe cho bà Phan Thị H là chủ sở hữu để quản lý và sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Trong quá trình điều tra ông Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu bồi thường số tiền tổng cộng là 13.395.000đồng, bao gồm: Tiền thuốc men, viện phí, các khoản chi phí hợp lý khác. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Đ và đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Trần Thị Ngọc L thỏa thuận bà L bồi thường cho ông Đ khoản tiền thuốc men và tiền viện phí là 8.000.000đ. Bà L đã bồi thường trước 1.000.000đ (Một triệu đồng). Bà L còn phải bồi tiếp cho ông Đ số tiền còn lại là 7.000.000đ. Sự thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận trên là phù hợp. Đối với khoản tiền chi phí khác ông Đ không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Gi ông Trịnh Gia Qu trình bày: Ông Qu đồng tình với quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về việc truy tố bị cáo Trần Minh Gi về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Theo ông Qu thì bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước trong và sau khi phạm tội bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Sau khi phạm tội đã vận động gia đình

bồi thường cho người bị hại số tiền 1.000.000đ nhằm khắc phục một phần hậu quả. Tại phiên tòa người bị hại ông Nguyễn Ngọc Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo, để bị cáo sớm được hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo đồng tình với lời bào chữa của ông Trịnh Gia Qu và không bổ sung gì thêm, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì. Bị cáo, người bị hại xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh Gi thừa nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp lời khai của các bị hại của người làm chứng và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 27/4/2020 tại địa bàn xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Trần Minh Gi đã dùng dao chém gây thương tích cho anh Phạm Thanh T 03%, gây thương tích cho ông Nguyễn Ngọc Đ 08% và gây thương tích cho bà Lương Thị Kim D 02%.

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Trần Minh Gi đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS

Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm...”

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết rằng tính mạng sức khỏe con người là vốn quý được pháp luật

bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Song với ý thức chấp hành pháp luật kém, bản tính hung hãn, coi thường sức khỏe của người khác. Nên sau khi uống rượu Trần Minh Gi đã dùng dao chém, đánh gây thương tích cho anh Phạm Thanh T 03%, ông Nguyễn Ngọc Đ 08% và bà Lương Thị Kim D 02%. Hành vi của bị cáo ngoài xâm hại trực tiếp đến sức khỏe của anh T ông Đ và bà D nói riêng còn làm ảnh hưởng đến đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Xét về nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo Trần Minh Gi là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mặt khác bị cáo là người có bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của. Hơn nữa sau khi phạm tội bị cáo đã vận động gia đình bồi thường cho ông Đ số tiền 1.000.000đ nhằm khắc phục một phần thiệt hại do mình gây ra. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần xem xét khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan H, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Các biện pháp tư pháp:

[4.1] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra người bị hại ông Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu bị cáo Trần Minh Gi, phải bồi thường các khoản sau: Tiền viện phí, chi phí điều trị vết thương 8.000.000đ; tiền ngày công lao động do phải nghỉ làm trong thời gian nằm viện là 200.000đ/ngày x 8 ngày = 1.600.000đ; tiền ngày công người chăm sóc trong thời gian nằm viện là 200.000đ/ngày x 8 ngày = 1.600.000đ; tiền bồi dưỡng sức khỏe, ăn uống đi lại trong thời gian nằm viện 2.000.000đ. Tổng cộng số tiền là: 13.395.000 đồng. Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc Đ và đại diện hợp pháp của bị cáo bà Trần Thị Ngọc L thỏa thuận: Bà L bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc Đ tiền thuốc men, tiền viện phí tổng cộng là 8.000.000đ. Trong đó bà L đã bồi thường trước cho ông Đ số tiền 1.000.000 đồng. Bà L còn phải bồi thường tiếp cho ông Đ số tiền còn lại 7.000.000đ. Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên là phù hợp. Đối với khoản tiền công không lao động được do phải nghỉ làm để điều trị thương tích và tiền công người chăm sóc, tiền bồi dưỡng sức khỏe và các khoản chi phí hợp lý khác, tại phiên tòa ông Đ không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với việc Trần Minh Gi gây thương tích cho anh Phạm Thanh T tỷ lệ 03% và bà Lương Thị Kim D tỷ lệ 02%. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại anh T và bà D không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe máy biển số 47FC-2868 Trần Minh Gi mượn của bà Phan Thị H. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định được bà H không biết việc Gi sử dụng làm phương tiện đi gây thương tích cho người khác, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho lại chiếc xe nói trên cho bà Phan Thị H là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với 01 con dao rựa dài 57cm, cán tre, lưỡi kim loại dài 30 cm, mũi quắp do Trần Minh Gi giao nộp cho Cơ quan điều tra là công cụ mà Gi dùng để gây thương tích cho anh Phạm Thanh T, ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Lương Thị Kim D, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Đại diện VKSND thành phố Buôn Ma Thuột thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đối với vụ án tương đối phù hợp nên HĐXX nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Minh Gi phải chịu án phí HSST. Buộc bà Trần Thị Ngọc L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm b, i, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh Gi phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Gi 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc người đại diện hợp pháp của bị cáo bà Trần Thị Ngọc L và bị hại ông Nguyễn Ngọc Đ thỏa thuận bà Trần Thị Ngọc L phải bồi thường tiền thuốc men, viện phí cho ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền

8.000.000đ bà L đã bồi thường trước số tiền 1.000.000đ, bà Trần Thị Ngọc L còn phải bồi thường tiếp cho ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền còn lại là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS.

- Về vật chứng:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả xe máy biển số 47FC-2868 cho bà Phan Thị H.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dao rựa dài 57cm, cán tre, lưỡi kim loại dài 30 cm, mũi quắp do Trần Minh Gi dùng vào việc phạm tội (con dao có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ngày 27/10/2020)

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Minh Gi phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST. Buộc bà Trần Thị Ngọc L phải chịu 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Bị cáo, người bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận :

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

